TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CÙ LAO DUNG** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2019/DS-ST.
Ngày 06 - 11 - 2019
V/v "Tranh chấp
Hợp đồng vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÙ LAO DUNG, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Mỹ Xuyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Phụng.

2. Bà Thái Thị Hoa.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Tô Văn Thừa – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng.

Trong ngày 06 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 59/2019/TLST- DS, ngày 12 tháng 8 năm 2019 về việc "Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2019/QĐXXST- DS ngày 08 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn*: Ngân hàng N.

Địa chỉ: L, phường Th, quận B, thành phố Hà Nội.

- *Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn*: Anh Mã Hà Bửu Ng– Trưởng phòng kế hoạch Kinh Doanh của Ngân hàng N - Chi nhánh huyện C, tỉnh Sóc Trăng - Là người đại diện theo uỷ quyền (Văn bản uỷ quyền ngày 26/9/2019 của Giám đốc Ngân hàng N - Chi nhánh huyện C, Sóc Trăng *(Có mặt)*.

* *Bị đơn*: Lê Thị N, sinh năm: 1932. Cư trú tại: Ấp Ng, xã Đ, huyện C, tỉnh Sóc Trăng *(Vắng mặt)*.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Nguyễn Anh Kh, sinh năm: 1970. Cư trú tại: Ấp Ng, xã Đ, huyện C, tỉnh Sóc Trăng *(Vắng mặt)*.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện ngày 11 tháng 7 năm 2019, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Do có nhu cầu vay vốn để trồng mía bà Lê Thị N có ký Hợp đồng tín dụng số: 7613-LAV-201301648 ngày 29/03/2013 với Ngân hàng N - Chi nhánh huyện C, tỉnh Sóc Trăng để vay số tiền là 50.000.000 đồng lãi suất 10,8%/năm, lãi suất quá hạn là 14,04%/năm, thời hạn vay là 12 tháng, hạn trả nợ cuối cùng là ngày 27/03/2014. Khi bà N vay tiền có anh Nguyễn Anh Kh (Con trai ruột của bà N) ký tên vào Giấy đề nghị kiêm vay vốn thống nhất vay tiền cùng với bà N. Bà Lê Thị N và anh Nguyễn Anh Kh đã nhận đủ số tiền là 50.000.000 đồng theo giấy nhận nợ số 01, ngày 29/03/2013. Từ khi vay vốn cho đến nay thì bà N, anh Kh không trả tiền gốc và tiền lãi cho Ngân hàng. Tính đến ngày 06/11/2019 DL bà Lê Thị N và anh Nguyễn Anh Kh còn nợ Ngân hàng số tiền như sau: Tiền gốc là: 50.000.000 đồng và tiền lãi quá hạn: 39.975.000 đồng. Tổng cộng tiền gốc và tiền lãi là 89.975.000 đồng.

Nay Ngân hàng N yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Lê Thị N và anh Nguyễn Anh Kh phải cùng có trách nhiệm liên đới hoàn trả cho Ngân hàng N tổng số tiền gốc và lãi tính đến ngày 06/11/2019 DL là 89.975.000 đồng và lãi phát sinh được tính tiếp từ ngày 07/11/2019 DL cho đến khi bà Lê Thị N và anh Nguyễn Anh Kh thanh toán xong nợ cho Ngân hàng theo mức lãi suất quá hạn thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng là 14,04%/năm.

* Bị đơn là bà Lê Thị N đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn cố tình vắng mặt, nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải, bà N không gửi văn bản ghi ý kiến của mình cũng như không đến tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bà N.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Anh Kh đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn cố tình vắng mặt, nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải, anh Kh không gửi văn bản ghi ý kiến của mình cũng như không đến tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của anh Kh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Lê Thị N là bị đơn, anh Nguyễn Anh Kh là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không

có lý do, vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bà N, anh Kh.

Theo đơn khởi kiện ngày 11 tháng 7 năm 2019 của Ngân hàng N thì vào ngày 09/04/2014 giữa Ngân hàng với bà Lê Thị N, anh Nguyễn Anh Kh có ký kết hợp đồng tín dụng số: 7613-LAV-201301648 ngày 29/03/2013, theo đó Ngân hàng cho bà N, anh Kh vay vốn số tiền là 50.000.000 đồng để tiêu dùng phục vụ cho đời sống gia đình. Do bà N, anh Kh vi phạm hợp đồng không trả tiền đúng hạn cho Ngân hàng, nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà N, anh Kh phải cùng có trách nhiệm liên đới phải hoàn trả tiền cho Ngân hàng N số tiền gốc và tiền lãi là 89.975.000 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày Tòa án xét xử xong vụ án đến khi bà N, anh Ka trả tất nợ cho Ngân hàng. Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp phát sinh trong vụ kiện này là Tranh chấp dân sự là tranh chấp Hợp đồng vay tài sản. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Về nội dung vụ án*:*

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Do có nhu cầu vay vốn để trồng mía bà Lê Thị N có ký Hợp đồng tín dụng số: 7613-LAV-201301648 ngày 29/03/2013 với Ngân hàng N - Chi nhánh huyện C, tỉnh Sóc Trăng để vay số tiền là 50.000.000 đồng lãi suất 10,8%/năm, lãi suất quá hạn là 14,04%/năm, thời hạn vay là 12 tháng, hạn trả nợ cuối cùng là ngày 27/03/2014. Khi bà N vay tiền có anh Nguyễn Anh Kh (Con trai ruột của bà N) ký tên vào Giấy đề nghị kiêm vay vốn thống nhất vay tiền cùng với bà N. Bà Lê Thị N và anh Nguyễn Anh Kh đã nhận đủ số tiền là 50.000.000 đồng theo giấy nhận nợ số 01, ngày 29/03/2013. Từ khi vay vốn cho đến nay thì bà N, anh Kh không trả tiền gốc và tiền lãi cho Ngân hàng. Tính đến ngày 06/11/2019 DL bà Lê Thị N và anh Nguyễn Anh Kh còn nợ Ngân hàng số tiền như sau: Tiền gốc là: 50.000.000 đồng và tiền lãi quá hạn: 39.975.000 đồng. Tổng cộng tiền gốc và tiền lãi là 89.975.000 đồng.

Nay Ngân hàng N yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Lê Thị N và anh Nguyễn Anh Kh phải cùng có trách nhiệm liên đới hoàn trả cho Ngân hàng N tổng số tiền gốc và lãi tính đến ngày 06/11/2019 DL là 89.975.000 đồng và lãi phát sinh được tính tiếp từ ngày 07/11/2019 DL cho đến khi bà Lê Thị N và anh Nguyễn Anh Kh thanh toán xong nợ cho Ngân hàng theo mức lãi suất quá hạn thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng là 14,04%/năm.

Hội đồng xét xử xét thấy:

Để chứng minh cho việc bà N và anh Kh vay vốn, Ngân hàng cung cấp cho Tòa án các chứng cứ như: 01 (Một) Bảng kê tính lãi, (bản chính); 01 (Một) Giấy đề nghị kiêm vay vốn (bản sao y); 01 (Một) Hợp đồng tín dụng (bản sao y); 01 (Một) Phụ lục hợp đồng tín dụng (bản sao y); 01 (Một) Giấy nhận nợ (bản sao y). Sau khi nhận được đơn khởi kiện của Ngân hàng N, Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung có gửi thông báo về việc thụ lý vụ án về nội dung yêu cầu của Ngân hàng N và Tòa án đã tống đạt hợp lệ cho bà N, anh Kh, nhưng bà N,

anh Kh không gửi văn bản ghi ý kiến của mình, không có ý kiến phản đối yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N.

Xét thấy về hình thức và nội dụng, trình tự thủ tục các văn bản này là phù hợp theo quy định, nên có giá trị làm chứng cứ để chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do vậy, theo đơn khởi kiện của Ngân hàng N cho rằng bà Lê Thị N và anh Nguyễn Anh Kh có vay số tiền 50.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng số: 7613-LAV-201301648 ngày 29/03/2013 là phù hợp với thực tế khách quan và có căn cứ pháp luật.

Xét về nội dung: Hợp đồng tín dụng số: 7613-LAV-201301648 ngày 29/03/2013 giữa Ngân hàng N - Chi nhánh huyện C, tỉnh Sóc Trăng và bà Lê Thị N , anh Kh xác lập trên cơ sở tự nguyện, về hình thức và nội dung giao kết tại thời điểm xác lập phù hợp theo quy định tại Điều 1, Điều 2 của Thông tư số: 12/2010/TT-NHNN, ngày 14/4/2010 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và mục 3 Phần I của Thông tư liên tịch số: 01/TTLT, ngày 19/6/1997 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp và Bộ Tài chính, cho nên Hợp đồng tín dụng nêu trên có giá trị pháp lý thực hiện.

Theo đại diện cho Ngân hàng trình bày, cũng như các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, sau khi ký kết Hợp đồng tín dụng, Ngân hàng đã giải ngân vào ngày 29/3/2013 bà N, anh Kh nhận số tiền là 50.000.000 đồng là đủ số vốn vay theo Hợp đồng. Bà N, anh Kh cùng phải thực hiện nghĩa vụ trả gốc và lãi cho Ngân hàng hàng tháng và trả tất vốn vay khi hết hạn hợp đồng. Sau khi vay bà N, anh Kh không thực hiện việc trả tiền gốc và tiền lãi cho Ngân hàng theo hợp đồng. Xét thấy, bà N, anh Kh thực hiện không đúng theo giao kết, đã vi phạm Điều 6 của Hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết, bà N, anh Kh là người có lỗi và là người vi phạm Hợp đồng, nên phải chịu mọi hậu quả theo giao kết và theo quy định của pháp luật. Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà N, anh Kh cùng có trách nhiệm liên đới hoàn trả nợ là đúng theo quy định tại Điều 25 của Quy chế cho vay của các tổ chức tín dụng đối với khách hàng do Ngân hàng Nhà Nước ban hành và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu bà Lê Thị N và anh Nguyễn Anh Kh phải cùng có trách nhiệm liên đới hoàn trả cho Ngân hàng N tổng số tiền gốc và lãi tính đến ngày 06/11/2019 DL là 89.975.000 đồng và lãi phát sinh được tính tiếp từ ngày 07/11/2019 DL cho đến khi bà Lê Thị N và anh Nguyễn Anh Kh thanh toán xong nợ cho Ngân hàng theo mức lãi suất quá hạn thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng là 14,04%/năm. Xét thấy, mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng tại thời điểm xác lập là phù hợp theo quy định tại Điều 11 của Quy chế cho vay của các tổ chức tín dụng đối với khách hàng do Ngân hàng Nhà Nước ban hành và Điều 1 và Điều 2 Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/04/2010 của Thống đốc Ngân hàng Nhà Nước hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận; Ngân hàng đã áp dụng tính tiền lãi đúng theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng. Do vậy, người đại diện của Ngân hàng yêu cầu bà Lê Thị N và anh Nguyễn Anh Kh phải cùng có trách

nhiệm liên đới hoàn trả cho Ngân hàng N tổng số tiền gốc và lãi tính đến ngày 06/11/2019 DL là 89.975.000 đồng và lãi phát sinh được tính tiếp từ ngày 07/11/2019 DL cho đến khi bà Lê Thị N và anh Nguyễn Anh Kh thanh toán xong nợ cho Ngân hàng theo mức lãi suất quá hạn thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng là 14,04%/năm là hoàn toàn phù hợp theo quy định tại các điều 107, điều 122, điều 389, điều 401, điều 402, điều 424, điều 425, điều 471, điều 474 và điều 476 của Bộ luật dân sự năm 2005 (Điều 103, điều 117, điều 119, điều 398, điều 422, điều 427, điều 463 và điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015); Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 1 của Thông tư số: 12/2010/TT-NHNN, ngày 14/4/2010 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và mục 3 Phần I của Thông tư liên tịch số: 01/TTLT, ngày 19/6/1997 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp và Bộ Tài chính. Vì vậy, cần xử buộc bà Lê Thị N và anh Nguyễn Anh Kh phải cùng có trách nhiệm liên đới hoàn trả cho Ngân hàng N số tiền vay gốc và tiền lãi tính đến ngày 06/11/2019 DL là 89.975.000 đồng (Trong đó: Tiền gốc là: 50.000.000 đồng và tiền lãi quá hạn: 39.975.000 đồng) và tiền lãi phát sinh được tính tiếp từ ngày 07/11/2019 DL cho đến khi bà N, anh Kh thanh toán xong nợ cho Ngân hàng theo mức lãi suất quá hạn thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng là 14,04%/năm.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc bà Lê Thị N và anh Nguyễn Anh Kh phải cùng có trách nhiệm liên đới nộp số tiền là 4.498.750 đồng án phí dân sự sơ thẩm; Ngân hàng N không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho Ngân hàng N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.250.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006180 ngày 12 tháng 8 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng.

Ngoài ra, căn cứ vào Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 2 Điều 92, Điều 144, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các điều 107, điều 122, điều 389, điều 401, điều 402, điều 424, điều 425, điều 471, điều 474 và điều 476 của Bộ luật dân sự năm 2005 (Điều 103, điều 117, điều 119, điều 398, điều 422, điều 427, điều 463 và điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015); Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 1 của Thông tư số: 12/2010/TT-NHNN, ngày 14/4/2010 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và mục 3 Phần I của Thông tư liên tịch số: 01/TTLT, ngày 19/6/1997 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp và Bộ Tài chính; Điều 17 Luật phí và Lệ phí; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của

Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự; Án lệ số: 08/2016 được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17 tháng 10 năm 2016.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N.

Buộc bà Lê Thị N và anh Nguyễn Anh Kh phải cùng có trách nhiệm liên đới hoàn trả cho Ngân hàng N số tiền vay gốc và tiền lãi tính đến ngày 06/11/2019 DL là 89.975.000 đồng *(Tám mươi chín triệu chín trăm bảy mươi lăm ngàn đồng)* và tiền lãi phát sinh được tính tiếp từ ngày 07/11/2019 DL cho đến khi bà Lê Thị N và anh Nguyễn Anh Kh thanh toán xong nợ cho Ngân hàng theo mức lãi suất quá hạn thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng là 14,04%/năm.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lê Thị N và anh Nguyễn Anh Kh phải cùng có trách nhiệm liên đới nộp 4.498.750 đồng *(Bốn triệu bốn trăm chín mươi tám ngàn bảy trăm năm mươi đồng)* án phí dân sự sơ thẩm; Ngân hàng N không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho Ngân hàng N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.250.000 đồng *(Một triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng)* theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006180 ngày 12 tháng 8 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng.

3. Về quyền kháng cáo bản án: Ngân hàng N có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đối với bị đơn Lê Thị N, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Anh Kh không có mặt tại phiên tòa thì có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Cù Lao Dung;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Chi cục THADS huyện Cù Lao Dung;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

Hồ Mỹ Xuyên